

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 752/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 10/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

Ngày thi: 05/11/2023

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT2164	Hoàng Ngọc Ánh	20/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	8,5	5,5	DBG016221	CNTT/23/3507	Đạt	
2	CNTT2165	Lê Ngọc Ánh	29/12/2003	Bắc Giang	Nữ	9,0	10,0	DBG016222	CNTT/23/3508	Đạt	
3	CNTT2166	Nguyễn Thị Bích	14/02/2003	Bắc Giang	Nữ	8,5	9,0	DBG016223	CNTT/23/3509	Đạt	
4	CNTT2167	Trần Thị Bru	17/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	9,5	10,0	DBG016224	CNTT/23/3510	Đạt	
5	CNTT2168	Nông Thị Chang	21/06/2002	Lạng Sơn	Nữ	9,5	7,0	DBG016225	CNTT/23/3511	Đạt	
6	CNTT2169	Hà Bình Dương	29/03/2003	Bắc Giang	Nam	8,5	5,0	DBG016226	CNTT/23/3512	Đạt	
7	CNTT2170	Bùi Thị Hà	09/02/2003	Bắc Giang	Nữ	7,7	8,5	DBG016227	CNTT/23/3513	Đạt	
8	CNTT2171	Nguyễn Thị Hào	25/09/2003	Bắc Giang	Nữ	9,2	7,5	DBG016228	CNTT/23/3514	Đạt	
9	CNTT2172	Nguyễn Quang Hiếu	26/10/2003	Bắc Giang	Nam	7,2	7,0	DBG016229	CNTT/23/3515	Đạt	
10	CNTT2173	Vũ Thị Hoa	20/12/2002	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,5	DBG016230	CNTT/23/3516	Đạt	
11	CNTT2175	Nguyễn Huy Hoàng	03/04/2003	Bắc Giang	Nam	8,5	6,0	DBG016231	CNTT/23/3517	Đạt	
12	CNTT2176	Giáp Thúy Hường	11/05/2003	Bắc Giang	Nữ	8,5	8,0	DBG016232	CNTT/23/3518	Đạt	
13	CNTT2178	Dương Thị Ngọc Linh	08/11/2003	Bắc Giang	Nữ	9,0	8,5	DBG016233	CNTT/23/3519	Đạt	
14	CNTT2179	Lại Thị Linh	29/04/2003	Bắc Giang	Nữ	8,5	7,5	DBG016234	CNTT/23/3520	Đạt	
15	CNTT2180	Nguyễn Thảo Linh	08/11/2003	Bắc Giang	Nữ	8,2	8,5	DBG016235	CNTT/23/3521	Đạt	
16	CNTT2181	Nguyễn Hà Cẩm Ly	22/06/2003	Bắc Giang	Nữ	9,5	9,5	DBG016236	CNTT/23/3522	Đạt	
17	CNTT2182	Thân Thế Nam	27/11/2003	Bắc Giang	Nam	8,5	9,5	DBG016237	CNTT/23/3523	Đạt	
18	CNTT2183	Phạm Thúy Nga	07/12/2003	Bắc Giang	Nữ	9,2	9,0	DBG016238	CNTT/23/3524	Đạt	
19	CNTT2184	Nguyễn Thị Ngà	18/11/2003	Bắc Giang	Nữ	9,0	9,0	DBG016239	CNTT/23/3525	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
20	CNTT2185	Vi Đức	Nguyên	20/01/2002	Bắc Giang	Nam	8,2	5,0	DBG016240	CNTT/23/3526	Đạt	
21	CNTT2186	Hoàng Thị	Nguyệt	15/10/2003	Bắc Giang	Nữ	9,0	6,0	DBG016241	CNTT/23/3527	Đạt	
22	CNTT2187	Vi Thị	Nhi	20/12/2003	Bắc Giang	Nữ	8,2	9,0	DBG016242	CNTT/23/3528	Đạt	
23	CNTT2188	Nguyễn Thị	Nhung	04/09/2005	Bắc Giang	Nữ	9,2	9,5	DBG016243	CNTT/23/3529	Đạt	
24	CNTT2189	Nguyễn Thị	Phương	18/06/2003	Bắc Giang	Nữ	8,7	6,5	DBG016244	CNTT/23/3530	Đạt	
25	CNTT2190	Lạc Thanh	Tâm	10/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	8,2	5,5	DBG016245	CNTT/23/3531	Đạt	
26	CNTT2191	Khổng Thị	Thanh	27/07/2003	Bắc Ninh	Nữ	9,2	6,5	DBG016246	CNTT/23/3532	Đạt	
27	CNTT2192	Nguyễn Thị Minh	Thanh	10/06/2003	Bắc Giang	Nữ	8,5	5,0	DBG016247	CNTT/23/3533	Đạt	
28	CNTT2193	Nguyễn Văn	Thành	26/06/2003	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG016248	CNTT/23/3534	Đạt	
29	CNTT2194	Dương Thị Phương	Thảo	29/03/2003	Bắc Giang	Nữ	8,5	9,0	DBG016249	CNTT/23/3535	Đạt	
30	CNTT2195	Nguyễn Thanh	Thảo	06/03/2003	Lạng Sơn	Nữ	9,0	8,0	DBG016250	CNTT/23/3536	Đạt	
31	CNTT2196	Trần Văn	Thiệp	15/10/2003	Bắc Giang	Nam	9,5	9,5	DBG016251	CNTT/23/3537	Đạt	
32	CNTT2198	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	12/01/2003	Bắc Ninh	Nữ	9,2	7,0	DBG016252	CNTT/23/3538	Đạt	
33	CNTT2199	Thân Thị Kiều	Trang	05/01/2003	Bắc Giang	Nữ	9,5	7,0	DBG016253	CNTT/23/3539	Đạt	
34	CNTT2200	Nguyễn Tiến	Trung	05/05/1999	Bắc Giang	Nam	9,5	9,5	DBG016254	CNTT/23/3540	Đạt	
35	CNTT2201	Nguyễn Anh	Tuấn	06/01/2003	Đắk Lắk	Nam	8,7	9,5	DBG016255	CNTT/23/3541	Đạt	
36	CNTT2203	Nguyễn Thị	Yến	25/10/2003	Bắc Giang	Nữ	7,7	5,0	DBG016256	CNTT/23/3542	Đạt	
37	CNTT2204	Lê Thị Phương	Anh	01/08/2000	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	DBG016257	CNTT/23/3543	Đạt	
38	CNTT2205	Nguyễn Thị	Châm	21/05/1991	Hưng Yên	Nữ	7,7	7,5	DBG016258	CNTT/23/3544	Đạt	
39	CNTT2206	Nguyễn Anh	Dũng	02/12/1984	Bắc Giang	Nam	8,2	8,0	DBG016259	CNTT/23/3545	Đạt	
40	CNTT2207	La Mỹ	Duyên	23/01/2000	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	DBG016260	CNTT/23/3546	Đạt	
41	CNTT2208	Ngô Minh	Đức	07/07/1993	Bắc Giang	Nam	8,2	8,0	DBG016261	CNTT/23/3547	Đạt	
42	CNTT2209	Triệu Thị	Hà	24/02/2000	Lạng Sơn	Nữ	8,0	7,5	DBG016262	CNTT/23/3548	Đạt	
43	CNTT2210	La Thị	Hào	19/07/2001	Bắc Giang	Nữ	7,7	8,0	DBG016263	CNTT/23/3549	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
44	CNTT2211	Phan Thị Thanh	Hiền	23/12/2000	Bắc Giang	Nữ	8,2	7,0	DBG016264	CNTT/23/3550	Đạt	
45	CNTT2212	Nguyễn Thị	Hương	31/08/1994	Thái Bình	Nữ	8,0	7,5	DBG016265	CNTT/23/3551	Đạt	
46	CNTT2213	Vũ Thị	Hương	23/08/1997	Bắc Giang	Nữ	8,2	7,5	DBG016266	CNTT/23/3552	Đạt	
47	CNTT2214	Nguyễn Thị	Lại	05/02/1989	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,0	DBG016267	CNTT/23/3553	Đạt	
48	CNTT2215	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	31/10/2004	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	DBG016268	CNTT/23/3554	Đạt	
49	CNTT2216	Nguyễn Thị	Lành	08/06/1997	Bắc Giang	Nữ	7,7	8,0	DBG016269	CNTT/23/3555	Đạt	
50	CNTT2217	Hà Diệu	Linh	07/09/2000	Bắc Ninh	Nữ	8,2	8,0	DBG016270	CNTT/23/3556	Đạt	
51	CNTT2218	Nguyễn Đức	Mạnh	15/08/1999	Bắc Ninh	Nam	7,7	7,5	DBG016271	CNTT/23/3557	Đạt	
52	CNTT2220	Ninh Thị	Ngành	18/09/1989	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,5	DBG016272	CNTT/23/3558	Đạt	
53	CNTT2221	Bạch Kim	Ngân	29/10/1999	Bắc Giang	Nữ	7,7	8,0	DBG016273	CNTT/23/3559	Đạt	
54	CNTT2222	Đoàn Thị	Nhung	18/03/1998	Thanh Hóa	Nữ	8,0	7,5	DBG016274	CNTT/23/3560	Đạt	
55	CNTT2223	Nguyễn Thị	Nhung	12/04/1984	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,0	DBG016275	CNTT/23/3561	Đạt	
56	CNTT2224	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	02/12/2000	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	DBG016276	CNTT/23/3562	Đạt	
57	CNTT2225	Vũ Thị Kim	Oanh	12/03/1983	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	DBG016277	CNTT/23/3563	Đạt	
58	CNTT2226	Hoàng Minh	Thảo	17/07/1994	Bắc Giang	Nam	7,7	7,5	DBG016278	CNTT/23/3564	Đạt	
59	CNTT2227	Nguyễn Văn	Thắng	10/11/2000	Bắc Giang	Nam	8,2	7,5	DBG016279	CNTT/23/3565	Đạt	
60	CNTT2228	Trần Thị	Thu	26/09/2002	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,0	DBG016280	CNTT/23/3566	Đạt	
61	CNTT2229	Nguyễn Thị	Trà	27/07/2002	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,0	DBG016281	CNTT/23/3567	Đạt	
62	CNTT2230	Đồng Văn	Tư	12/08/1991	Bắc Giang	Nam	7,7	7,5	DBG016282	CNTT/23/3568	Đạt	
63	CNTT2231	Dương Thị Cẩm	Vân	25/12/1992	Bắc Giang	Nữ	8,0	8,0	DBG016283	CNTT/23/3569	Đạt	
64	CNTT2232	Trịnh Hải	Yến	17/05/2000	Bắc Ninh	Nữ	8,5	7,5	DBG016284	CNTT/23/3570	Đạt	

Danh sách có 64 thí sinh./.